

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU  
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

***Tthành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Hồng Lam**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Bà **Khuru Liên Dung**

2- Bà **Nguyễn Thị Bích Tuyên**

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Đặng Văn Kép** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Mỹ Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Kim Thị Rách T – sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Huỳnh T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Về hôn nhân: Chị Kim Thị Rách T và anh Huỳnh T thống nhất xác định anh chị tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 12/3/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, từ tháng 07 năm 2019 đến nay vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình và sống ly thân từ đó đến nay. Chị T xác định mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích

hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu xin ly hôn . Anh T xác định còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị Kim Thị Rách T và anh Huỳnh T thống nhất xác định quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 09/6/2017. Cháu T đang sống cùng chị T.

Chị T trình bày: Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu T; chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T trình bày: Khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

Anh T trình bày: Vợ chồng anh không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T xác định trong quá trình chung sống cùng nhau, vào năm 2019 anh T có mua 01 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 04 chỉ tặng chị T, đây là tài sản riêng của anh, không phải là tài sản chung vợ chồng, nguồn tiền do anh tự đi làm và dành dụm mua được, khi ly hôn anh yêu cầu chị T phải giao trả tài sản này lại cho anh. Tại phiên tòa anh T xác định đối với nhẫn vàng 24K trọng lượng 04 chỉ anh đã cho chị Thiệu, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T trình bày: 01 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 04 chỉ do anh T mua, đây là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, từ lúc vợ chồng ly thân đến nay chị là người chăm sóc con chung và tốn nhiều chi phí nuôi con nên chị đã bán chiếc nhẫn 04 chỉ vàng 24K này để lấy tiền nuôi con, chiếc nhẫn hiện nay không còn, nguồn tiền bán chiếc nhẫn dùng để nuôi con và cũng không còn nên chị không đồng ý trả lại chiếc nhẫn này cho anh T. Tài sản chung của vợ chồng hiện không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Kim Thị Rách T và anh Huỳnh T thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị.

- Về nội dung vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Kim Thị Rách T đối với anh Huỳnh T.

Về con chung, có đủ cơ sở giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến tranh luận của các đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Kim Thị Rách T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh T nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh T có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[2] Về hôn nhân: Chị Kim Thị Rách T và anh Huỳnh T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2015, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 12/3/2015, cho nên hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo quy định pháp luật, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T và anh T xác định từ năm 2019 đến nay vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình và sống ly thân từ đó đến nay. Chị T xác định mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu xin ly hôn với anh T. Anh T xác định còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Mặt khác, trong khoảng thời gian sống ly thân chị T và anh T không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị T và anh T không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình , Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Thêu, cho chị T được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị Kim Thị Rách T và anh Huỳnh T xác định quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 09/6/2017. Cháu T đang sống cùng chị T.

Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Cả chị T và anh T đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, cháu T hiện đang sống ổn định cùng chị T, để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống ổn định của cháu T, xét thấy cần giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ giao con chung là Huỳnh Thị Kim T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được phép cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T xác định trong quá trình chung sống cùng nhau, vào năm 2019 anh T có mua 01 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 04 chỉ tặng chị T, đây là tài sản riêng của anh, khi ly hôn anh yêu cầu chị T phải giao trả tài sản này lại cho anh. Chị T xác định 01 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 04 chỉ do anh T mua, đây là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, từ lúc vợ chồng ly thân đến nay chị là người chăm sóc con chung và tốn nhiều chi phí nuôi con, nên chị đã bán chiếc nhẫn 04 chỉ vàng 24K này để lấy tiền nuôi con, tài sản hiện nay không còn. Tại phiên tòa anh T xác định đối với nhẫn vàng 24K trọng lượng 04 chỉ anh đã cho chị Thiệu, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Kim Thị Rách T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Kim Thị Rách T đối với anh Huỳnh T. Chị Kim Thị Rách T được ly hôn với anh Huỳnh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 09/6/2017 cho chị Kim Thị Rách T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Hiện nay con chung đang sống cùng chị T, nên chị T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Kim Thị Rách T không yêu cầu anh Huỳnh T cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Huỳnh T được quyền thăm nom con chung, không ai được phép ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Kim Thị Rách T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006521 ngày 06/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu toàn bộ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND thành TpBạc Liêu
- CCTHADSTp. Bạc Liêu
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hồng Lam**

